

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-PT

Ngày 18/12/2020

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Tân

Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án lý số 35/2020/HNGĐ – PT ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc “ *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2020/HNGĐ-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2020/QĐXXPT - HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1983.

ĐKKH: Thôn C (Trước đây là thôn K), xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn : Anh Nguyễn Trọng D, sinh năm 1982.

Nơi ĐKHTT và trú tại : Thôn C (Trước đây là thôn K), xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

3. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Trọng D – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Trọng D tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/01/2008 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hai bên có lối sống trái ngược và không tôn trọng nhau. Một phần do mâu thuẫn giữa chị và

gia đình nhà chồng không hòa hợp, anh D là người không có chính kiến thường đối xử với chị như người ngoài. Cuối năm 2017 chị đã làm đơn ly hôn, nhưng sau đó được hai bên gia đình động viên nên chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên vợ chồng chỉ hòa thuận được một thời gian thì lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh D không chấm dứt quan hệ này, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm không khí gia đình căng thẳng. Tháng 7/2020 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương sinh sống. Trong thời gian sống ly thân giữa chị và anh D không có biện pháp gì để hàn gắn, níu kéo. Nay chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trọng D.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Minh D sinh ngày 21/02/2009; Nguyễn Minh L, sinh ngày 25/8/2011 và Nguyễn Trọng V, sinh ngày 29/7/2015. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh L cho đến khi thành niên và nhất trí để anh D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh D và Nguyễn Trọng V cho đến khi thành niên. Chị và anh D thỏa thuận không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bị đơn anh Nguyễn Trọng D trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị Nguyễn Thị Th trình bày trên là đúng. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị có lối sống trái ngược nhau, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến không khí gia đình luôn căng thẳng. Mặt khác do mâu thuẫn giữa chị Th với mẹ chồng và các em gái của anh. Nhiều lần anh đã góp ý nhưng chị Th không nghe mà còn có thái độ xúc phạm anh nên trong lúc nóng giận anh có tát chị. Năm 2017 chị Th đã làm đơn ly hôn tại Tòa án, sau đó chị rút đơn để vợ chồng cùng đoàn tụ. Đến năm 2020 vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn do chị Th luôn nghi ngờ anh có quan hệ tình cảm với người khác, anh đã nhiều lần giải thích nhưng chị không nghe. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên gia đình đều động viên, hàn gắn nhưng không mang lại kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2020, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai, không có biện pháp gì để hàn gắn, níu kéo tình cảm. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc, nhưng anh không đồng ý ly hôn vì bản thân anh vẫn còn tình cảm với chị, hơn nữa các con của anh đang ở độ tuổi chuyển giao tâm sinh lý rất cần sự chăm sóc, dạy dỗ bảo ban của chị Th nên anh muốn chị suy nghĩ lại. Anh là người gốc công giáo, trong luật công giáo thì không được phép ly hôn. Nếu chị Th vẫn kiên quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Minh D, sinh ngày 21/02/2009; Nguyễn Minh L, sinh ngày 25/8/2011 và Nguyễn Trọng V, sinh ngày 29/7/2015. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng

con chung Nguyễn Minh D, Nguyễn Trọng V cho đến khi thành niên và nhất trí để chị Th được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Minh L cho đến khi thành niên. Anh chị thỏa thuận không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung .

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2020/HNGĐ-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G đã áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Trọng D.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Minh L, sinh ngày 25/8/2011 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Minh D, sinh ngày 21/02/2009 và Nguyễn Trọng V, sinh ngày 29/7/2015 cho anh Nguyễn Trọng D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng .

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th và anh D không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/10/2020 anh D kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án bản sơ thẩm, bác đơn ly hôn chị Th để vợ chồng anh được đoàn tụ.

Tại phiên tòa anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Tuy nhiên nếu chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn thì anh cũng tôn trọng ý kiến của chị. Chị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh D và chị Th đã trầm trọng và kéo dài, nên Tòa án cấp sơ thẩm xử cho anh D được ly hôn chị Th là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Trọng D, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 26/2020/HNGĐ-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa xem xét quan điểm của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xác minh thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Trọng D kháng cáo trong thời gian luật định, nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Trọng D, Hội đồng xét xử thấy: Anh D cho rằng, do chị Th hiểu lầm anh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, nhưng không cho anh cơ hội để giải thích, gằn gủi để hai bên hiểu nhau hơn. Do vậy anh xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng như cấp sơ thẩm nhận định, anh mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Xét thấy, tại cấp sơ thẩm, anh D đã xác định vợ chồng có mâu thuẫn, hai bên không còn yêu thương, quan tâm chia sẻ với nhau, nhưng anh không đồng ý ly hôn vì anh là người công giáo không được phép ly hôn. Anh mong muốn được đoàn tụ và mong chị Th về chung sống, cùng nhau nuôi dạy các con. Tuy nhiên thực tế cho thấy anh D và chị Th đã mâu thuẫn nhiều năm. Năm 2017 chị Th đã từng làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được xin ly hôn anh D, sau khi chị Th rút đơn ly hôn thì tình trạng vợ chồng vẫn không được cải thiện. Bản thân anh D cũng xác định vợ chồng sống mỗi người một nơi. Mặc dù anh D kháng cáo xin được đoàn tụ với chị Th nhưng sau khi xét xử sơ thẩm anh D cũng không có biện pháp gì khắc phục tình trạng vợ chồng, hiện cả 2 vẫn sống mỗi người một nơi và không thể có tiếng nói chung. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định mâu thuẫn giữa anh D và chị Th đã trầm trọng là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm anh D có xuất trình các chứng cứ đó là các tin nhắn giữa 2 vợ chồng thể hiện chị Th còn tình cảm và quan tâm đến anh. Tuy nhiên cả 2 anh chị đều xác định đây là những tin nhắn của 2 vợ chồng được thực hiện trước khi chị Th có đơn xin ly hôn anh D. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã hòa giải, phân tích để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn. Do vậy không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của anh D.

Anh D kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Trọng D. Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 26/2020/HNGĐ-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Trọng D.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Minh L, sinh ngày 25/8/2011 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Giao con chung Nguyễn Minh D, sinh ngày 21/02/2009 và Nguyễn Trọng V, sinh ngày 29/7/2015 cho anh Nguyễn Trọng D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th và anh D không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Trọng D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm, nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh D đã nộp theo biên lai số AA/2018/0000180 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Anh Nguyễn Trọng D đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hải Dương
- TAND huyện G.
- Chi cục THA huyện G.
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền